

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI

Mẫu số B 02a - DN

39 Đoàn Như Hải, Quận 4, TPHCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý : 04/2008

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý 04		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	33,315,014,546	27,284,712,805	121,276,524,427	98,399,708,742
Trong đó : Doanh thu hàng XK	02					
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		33,315,014,546	27,284,712,805	121,276,524,427	98,399,708,742
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	18,896,684,157	15,176,828,061	71,607,587,362	58,585,733,272
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=1-4)	20		14,418,330,389	12,107,884,744	49,668,937,065	39,813,975,470
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1,557,151,019	711,908,863	7,035,890,839	2,118,030,376
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	759,199,766	1,441,689,902	5,037,322,087	1,822,974,132
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		200,000,000	1,318,166,668	2,055,833,334	1,318,166,668
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10,245,755,002	7,771,721,737	33,072,578,849	23,157,623,605
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-23-24-25)	30		4,970,526,640	3,606,381,968	18,594,926,968	16,951,408,109
11. Thu nhập khác	31				13,469,613	
12. Chi phí khác	32					
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40				13,469,613	
14. Lợi nhuận lãi (lỗ) trong liên doanh liên kết	45		5,354,566,898	4,645,430,484	20,193,814,120	12,955,564,150
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		10,325,093,538	8,251,812,452	38,802,210,701	29,906,972,259
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.30	884,859,898	708,136,705	3,410,034,682	3,292,645,584
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=51-52)	60		9,440,233,640	7,543,675,747	35,392,176,019	26,614,326,675
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		631,385,609	751,367,365	2,688,961,282	3,144,143,901
- Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		8,808,848,031	6,792,308,382	32,703,214,737	23,470,182,774
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80					
19. Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	90					

Lập ngày 23 tháng 01 năm 2009

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)